https://trungtamthuoc.com/

THUỐC BÁN THEO ĐƠN

Viên nén bao phim

GIVET-5

Viên nén bao phim

GIVET-10

Thuốc bán theo đơn

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em.

Báo bộ hướng dẫn sử dụng thuốc khi dùng

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc

Tờ hướng dẫn sản phẩm này bao gồm hướng dẫn sử dụng cho thuốc với nhiều hàm lượng khác nhau

PHẦN I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

1. Thành phần, hàm lượng của thuốc

Mỗi viên nén bao phim **GIVET-5** chứa:

Moxifloxacin hydrochloride tương đương moxifloxacin ..... 5 mg

Tá dược: Povidon, CMC, natri starch glycolat, cellulose vi tinh thể (M112), crospovidon, silicon dioxyd, natri hydroxyd, oxid titan, magnesi stearat, HPMC 6cP, macrogol 6000, polysorbat 80, sắt oxid đỏ, sắt oxid vàng, sắt oxid đen.

Mỗi viên nén bao phim GIVET-10 chứa:

Moxifloxacin hydrochloride tương đương moxifloxacin ..... 10 mg

Tá dược: Povidon, CMC, natri starch glycolat, cellulose vi tinh thể (M112), crospovidon, silicon dioxyd, natri hydroxyd, oxid titan, magnesi stearat, HPMC 6cP, macrogol 6000, polysorbat 80, sắt oxid đỏ, sắt oxid vàng, sắt oxid đen.

2. Mô tả sản phẩm:

GIVET-5: Viên nén dài, bao phim màu vàng, một cạnh có dập chữ "V", một mặt có dập gạch ngang.

GIVET-10: Viên nén dài, bao phim màu hồng, một mặt có dập chữ "V", một mặt có dập gạch ngang.

3. Quy cách đóng gói:

GIVET-5: Hộp 4 vỉ x 7 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên.

GIVET-10: Hộp 4 vỉ x 7 viên.

4. Thuốc dùng cho bệnh gì?

Sản phẩm GIVET-5/ GIVET-10 chứa thành phần hoạt chất là moxifloxacin, một chất có tính diệt khuẩn.

Levofloxacin là chất tổng hợp có nguồn gốc từ quinolon, fluoroquinolon thứ hai có tác dụng kháng khuẩn rộng, có hiệu quả cao trong điều trị các bệnh nhiễm khuẩn hô hấp, tiết niệu, da và mô mềm, nhiễm khuẩn ổ bụng, viêm phổi cộng đồng.

Moxifloxacin được chỉ định trong các trường hợp sau:

Moxifloxacin được sử dụng theo chỉ định của bác sĩ để điều trị và ngăn ngừa các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với moxifloxacin.

Moxifloxacin được sử dụng để:

- Dự phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, bao gồm viêm phổi cộng đồng, viêm phế quản cấp tính, đợt cấp của viêm phế quản mạn tính, viêm xoang cấp tính.
- Điều trị các nhiễm khuẩn da và mô mềm không biến chứng, bao gồm áp xe da, viêm mô tế bào, viêm mô tế bào quanh hậu môn, viêm mô tế bào quanh móng, nhiễm khuẩn bàn chân do tiểu đường, nhiễm khuẩn da do vết thương, vết bỏng, vết cắn, vết loét do tì đè.
- Điều trị các nhiễm khuẩn ổ bụng, bao gồm viêm phúc mạc, áp xe ổ bụng, viêm phúc mạc do thủng ruột non.

Bác sĩ có thể kê đơn sử dụng thuốc cho những bệnh nhân không có chỉ định ở trên nếu họ đã nghiên cứu kỹ về bệnh lý và phác đồ điều trị.

5. Nên dùng thuốc này như thế nào và bằng đường?

Luôn dùng thuốc chính xác như hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Nếu bạn không chắc, hãy hỏi lại bác sĩ hoặc dược sĩ.

Liều dùng:

Người lớn: từ 5 tuổi trở lên: tùy theo mức độ nặng: 1 viên/ lần, ngày 1 lần.

Trẻ em từ 6 - 14 tuổi: tùy theo cân nặng: 1 viên/ lần, ngày 1 lần.

Một chế độ liều đặc biệt cần được thông báo cho bệnh nhân: uống nhiều nước trong khi dùng thuốc này.

Bệnh nhân cần được hướng dẫn sử dụng thuốc ngay cả khi không còn triệu chứng hoặc có cảm thấy khỏe.

Cách dùng:

Thuốc dùng đường uống.

6. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Không nên dùng thuốc này nếu bạn quá mẫn với moxifloxacin hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

7. Tác dụng không mong muốn

Như các thuốc khác, moxifloxacin có thể gây tác dụng không mong muốn, nhưng không phải ai cũng gặp phải.

Trong các nghiên cứu lâm sàng với viên moxifloxacin 5 mg, tác dụng không mong muốn thường gặp nhất (ít nhất 1 trong 100 bệnh nhân và dưới 1 trong 10 bệnh nhân) được cho là liên quan đến việc dùng thuốc này là nôn. Đau bụng, tiêu chảy, các rối loạn không mong muốn được báo cáo với viên moxifloxacin 10 mg cũng có đau bụng, tiêu chảy nhưng không phổ biến hơn so với nhóm bệnh nhân điều trị bằng giả dược. Nôn không thường xuyên hơn.

Các tác dụng không mong muốn sau đây được báo cáo với tần suất thấp (ít hơn 1 trong 100 bệnh nhân):

Rối loạn máu:

Giảm bạch cầu trung tính hấp thu.

Thường gặp:

Tiêu chảy, buồn nôn, nôn, tăng men gan (ALT, AST), phát ban, ngứa.

Ít gặp:

Phản ứng quá mẫn bao gồm các phản ứng da, giảm hoặc tăng tiểu cầu, mất ngủ, nhức đầu, lo âu, kích động bao gồm hành vi hung hãn, trầm cảm, chóng mặt, rối loạn vận động bao gồm kích thích, bồn chồn, run, chóng mặt, buồn ngủ, dị cảm, giảm cảm giác, co giật, chảy máu cam, khó thở, viêm phổi, phù mạch, đau khớp, đau cơ bao gồm chuyển sức, sưng khớp, khó thở, phù nề.

Hiếm gặp:

Tăng nhẹ thoáng qua creatinin máu, rối loạn vị giác, giảm khứu giác, giảm thị lực, nhanh, phù mạch.

Rất hiếm gặp:

Thiếu máu tan huyết, giảm, tăng tiểu cầu, giảm hồng cầu, giảm bạch cầu, tăng bạch cầu ưa eosin, tăng bạch cầu ưa kiềm, tăng bạch cầu đơn nhân, tăng bạch cầu ưa acid, tăng bạch cầu lympho, tăng bạch cầu, giảm bạch cầu trung tính, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu, tăng tiểu

https://trungtamthuoc.com/

Phân bố:

Chuyển hóa:

Thải trừ:

Đối tượng đặc biệt:

5. CHỈ ĐỊNH:

6. LIỀU LƯỢNG - CÁCH DÙNG:

Liều dùng:

Cách dùng:

8. CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

9. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Cảnh báo và thận trọng khi quan sát dược:

Để xa tầm tay trẻ em:

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ mang thai:

Phụ nữ cho con bú:

TÁC ĐỘNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

7. TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC:

8. TÁC DỤNG PHỤ KHÔNG MONG MUỐN:

Tác dụng không mong muốn được báo cáo khi dùng thuốc ở thị trường:

10. CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO:

11. NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẦN NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC:

12. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ BIỂU TƯỢNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT:

DAVIPHARM

Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (DAVIPHARM)**

Lô M1A, Đường D11, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa,

Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: 0274.3567.567 Fax: 0274.3567.568